

Số: 08/2024/QĐST-HNGĐ

K, ngày 25 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

Căn cứ vào các Điều 212, 213; khoản 2 Điều 149; Điều 361 và Điều 397 - Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 10/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1/ Chị Nguyễn Thị Hiền Tr, sinh năm: 1992

HKTT, trú tại: thôn H1, xã H2, huyện K, tỉnh H.

2/ Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1982

Quê quán: thôn H1, xã H2, huyện K, tỉnh H.

Hiện trú tại: bản Đ, xã H3, huyện B, tỉnh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hiền Tr và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H2, huyện K, tỉnh H vào ngày 23/02/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không có hạnh phúc. Kể từ năm 2019 đến nay, hai bên sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cả hai bên cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, thể hiện đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Tr và anh D cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với các quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tr và anh D.

[2] Về con chung: Chị Tr và anh D chưa có con chung.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức và ruộng canh tác: Chị Tr và anh D khẳng định không có gì liên quan, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí: Chị Tr và anh D thỏa thuận để chị Tr chịu toàn bộ và nộp theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hiền Tr và anh Nguyễn Văn D.

- **Về con chung:** Chị Tr và anh D chưa có con chung.

- **Về các vấn đề khác:** Tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất 03, công sức đối với gia đình hai bên nội, ngoại đều không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Tr tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001163 ngày 08/3/2024. Chị Tr đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện K;
- UBND xã H2;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc T